

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
PHU HUNG FUND MANAGEMENT
JOINT STOCK COMPANY

Số / No.: 11/2024/CBTT-ĐT-PHFM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2024
Ho Chi Minh City, 03 April 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION

Kính gửi / To: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
THE STATE SECURITIES COMMISSION

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (PHFM)
Company name: PHU HUNG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Address: Unit 4, 21st Floor, Phu My Hung Tower, 8 Hoang Van Thai, Quarter 1, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City

Điện thoại / Tel: 028.5413.7991

Người thực hiện công bố thông tin / The authorized person to disclose information: Ông / Mr. Lu, Hui-Hung

Loại công bố thông tin / Type of disclosed information:

24h Bất thường / Irregular Định kỳ / Regular Theo yêu cầu / On demand

Nội dung của thông tin công bố / Disclosed information:

Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng trân trọng công bố thông tin Tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm tài chính 2023 CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng, với thông tin chi tiết như tài liệu đính kèm.

Phu Hung Fund Management JSC, respectfully discloses information on the Documents of the 2023 Fiscal Year Annual General Meeting of Shareholders of Phu Hung Fund Management JSC., with details in the attached documents.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHFM tại: <http://phfm.vn>

This information is disclosed on PHFM's portal at: <http://phfm.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

We undertake that all information provided herein is true and shall be legally responsible for the disclosed information.

Hồ sơ đính kèm / Attached documents:

- Bộ tài liệu Đại hội;
Meeting documents;

Nơi nhận / Recipients:

- Như trên / As above;
- Lưu Ban Thư ký / Archived at Secretariat.

CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
PHU HUNG FUND MANAGEMENT JSC.



Ông / Mr. LU, HUI-HUNG
Tổng Giám đốc / General Director

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2024
Ho Chi Minh City, 03 April 2024

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
INVITATION TO THE 2023 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
To: Shareholders of Phu Hung Fund Management JSC.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (“PHFM”) kính mời Quý Cổ đông tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023.

Phu Hung Fund Management JSC. (“PHFM”) hereby cordially invite you to the 2023 Annual General Meeting of Shareholders.

- Thời gian:** 10h00, ngày 26/04/2024
Time: 10:00 AM, 26 April 2024
- Địa điểm:** Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q.7, TP. Hồ Chí Minh
Venue: 21st Floor, Phu My Hung Tower, 8 Hoang Van Thai, Tan Phu ward, District 7, Ho Chi Minh City.
- Thành phần tham dự:** Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần Công ty có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 02/04/2024 (ngày đăng ký cuối cùng).
Participants: All shareholders owning shares of the Company whose names are on the list of shareholders dated 02 April 2024 (the last registration date).
- Nội dung đại hội:** phê duyệt các nội dung (chi tiết theo Chương trình Đại hội đính kèm).
Meeting content: To approve contents (details in the attached Agenda).
- Tài liệu đại hội:** được đính kèm gồm

Attached documents include:

- Thư mời Đại hội / Invitation
- Chương trình Đại hội / Agenda
- Tài liệu họp / Meeting documents

Tài liệu đại hội được đăng tải trên trang thông tin điện tử của PHFM theo địa chỉ:
www.phfm.vn

All the documents are published on PHFM website: www.phfm.vn

Trân trọng,
Best regards,

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
PHU HUNG FUND MANAGEMENT JSC.



Albert Kwang-Chin Ting

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị / Chairman of the Board

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Ngày / Date Tháng / Month Năm / Year 2024



GIẤY ỦY QUYỀN / LETTER OF AUTHORIZATION

Tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023
To attend the 2023 Annual General Meeting of Shareholders

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (“PHFM”)
To: PHU HUNG FUND MANAGEMENT JSC.

Họ tên Cổ đông / Shareholder's full name:

Số Cổ đông / Shareholder's number:

Người đại diện pháp luật (nếu là Tổ chức) / Legal representative (for Organization):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GPKD / ID/Passport/Business License No.:

Ngày cấp / Date of issuance:

Nơi cấp / Place of issuance:

Địa chỉ / Address:

Điện thoại / Phone number:

Tổng số cổ phần phổ thông sở hữu (bằng số) / Number of shares owned at PHFM (in numbers):

..... cổ phần / shares.

(bằng chữ) / (In words):

Căn cứ Thư mời tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng, tôi (Cổ đông Công ty – “**Bên ủy quyền**”) xác nhận như sau:

Pursuant to the Invitation Letter to attend the 2023 Annual General Meeting of Shareholders (“2023 AGMS”) of Phu Hung Fund Management JSC, I (the Company's Shareholder – the “**Authorizing Party**”) confirm as follows:

❖ Ủy quyền cho người có tên dưới đây (“**Bên được ủy quyền**”) / Authorize to the person listed below (“**Authorized Party**”):

Họ tên / Full name:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu / ID/Passport number:

Ngày cấp / Date of issuance:

Nơi cấp / Place of issuance:

❖ Nội dung ủy quyền / Authorization contents:

Bên được ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 của PHFM vào ngày 26 tháng 4 năm 2024, tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết về



mọi vấn đề trong khuôn khổ Đại hội đồng cổ đông thường niên theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên quy định tại Điều lệ Công ty và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khác của cổ đông Công ty tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023.

The Authorized Party, on behalf of the Authorizing Party, attends the 2023 AGMS of PHFM on 26 April 2024, participates in giving opinions and voting on all matters within the framework of the Annual General Meeting of Shareholders in accordance with the Regulations on organizing of the 2023 AGMS prescribed in the Company's Charter and fully performs all other rights and obligations of the Company's shareholder at the 2023 AGMS.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

AUTHORIZED PARTY

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and full name)

BÊN ỦY QUYỀN

AUTHORIZING PARTY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là Tổ chức)

(Signature, full name and seal for organization)





Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

*Báo cáo tài chính cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03- 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11 - 11
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo giấy phép ban đầu số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là (3.632.598.586) VND; Lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là (7.919.696.923) VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là (10.336.296.330) VND; Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là (18.255.993.253) VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này mà chưa xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng Quản trị:

Ông:	Albert, Kwang-Chin Ting	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
Ông:	Ho, Feng Tao	Thành viên
Ông:	Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Bà:	Huang, Wan-Hui	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Ông:	Liew, Sep-Siang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông:	Lii, San-Rong	Thành viên
Ông:	Lo, Nai-Wei	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông :	Lu, Hui-Hung	Tổng Giám đốc
Bà:	Kuo, Ping-Min	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Shiu, Jingshia	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định khác có liên quan; và
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2023, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng, tại ngày lập báo cáo này phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Duyệt, ngày 26... tháng 03 năm 2024

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Albert, Kwang-Chin Ting

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26... tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Giám Đốc

Tổng Giám đốc

Lu, Hui-Hung

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng

Kính gửi:

- Cổ đông Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Đồng thời, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam, thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành hướng dẫn kế toán công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng còn lại 20.744.006.747 đồng thấp hơn vốn điều lệ tối thiểu đối với công ty quản lý quỹ (là 25.000.000.000 đồng) theo quy định tại khoản 3, Điều 175, Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Chúng tôi muốn lưu ý với người đọc báo cáo về vấn đề này và vấn đề nhấn mạnh này không ảnh hưởng tới ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi về Báo cáo tài chính nêu trên.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ...26... tháng ...03... năm 2024

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN KTV: 0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Dương Nguyễn Thúy Mai", with a horizontal line underneath.

Dương Nguyễn Thúy Mai

Số giấy CNDKHN KTV: 0848-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		17.962.693.806	27.616.234.015
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.755.333.522	906.119.361
1. Tiền	111		2.755.333.522	906.119.361
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	12.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.000.000.000	24.000.000.000
2. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		1.865.650.247	1.704.596.579
1. Phải thu khách hàng ngắn hạn	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	287.086.885	194.993.566
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4.1	1.578.563.362	1.509.603.013
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.341.710.037	1.005.518.075
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 7.1	1.325.531.721	989.339.759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.10.2	16.178.316	16.178.316
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.162.448.989	1.379.007.534
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		729.199.391	295.000.572
1. Phải thu khách hàng dài hạn	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4.2	729.199.391	295.000.572
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
II. Tài sản cố định	220		151.773.081	194.128.365
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	151.773.081	194.128.365
- Nguyên giá	222		211.776.400	211.776.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(60.003.319)	(17.648.035)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	-
- Nguyên giá	228		397.464.302	397.464.302
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(397.464.302)	(397.464.302)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.281.476.517	889.878.597
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 7.2	4.281.476.517	889.878.597
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.125.142.795	28.995.241.549
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.381.136.048	331.537.879
I. Nợ ngắn hạn	310		2.381.136.048	331.537.879
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.8	1.231.774.345	15.881.910
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.1	319.916.488	131.673.969
5. Phải trả người lao động	315		668.325.339	-
6. Chi phí phải trả	316	V.9	161.087.589	183.982.000
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		32.287	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		20.744.006.747	28.663.703.670
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	20.744.006.747	28.663.703.670
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.11	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.11	(18.255.993.253)	(10.336.296.330)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.125.142.795	28.995.241.549

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
A	B	C	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005	V.12	61,24	61,24
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý	006		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác	030	V.13	56.450.742	61.900.390
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác trong nước	031		55.057.744	61.900.390
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	032		1.392.998	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác	040	V.14	102.592.571.237	114.212.860.200
9.1. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước	041		99.627.303.429	114.212.860.200
9.2. Nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài	042		2.965.267.808	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư uỷ thác	050	V.15	4.287.692.977	2.887.567.891
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư uỷ thác	051	V.16	26.908.697	29.264.306

Người lập biểu và Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2024
 Tổng Giám Đốc

 Lu, Hui-Hung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01		6.118.140.635	6.691.368.878
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01- 02)	10	V.17	6.118.140.635	6.691.368.878
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		6.118.140.635	6.691.368.878
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.18	1.663.961.937	1.451.776.481
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.19	15.631.799.458	11.725.743.945
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		(7.849.696.886)	(3.582.598.586)
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	V.20	70.000.037	50.000.000
12. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		(70.000.037)	(50.000.000)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(7.919.696.923)	(3.632.598.586)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(7.919.696.923)	(3.632.598.586)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(2.031)	(931)

Người lập biểu và Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Lập ngày 26 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám Đốc



Lu, Hui-Hung

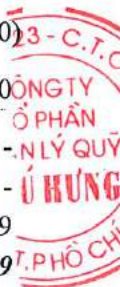
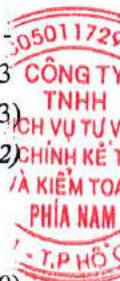
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6.026.047.316	6.897.102.978
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(2.517.091.600)	(550.767.434)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.906.461.362)	(6.529.430.276)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		994.751.793	175.223.413
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(10.546.908.996)	(6.180.398.003)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.949.662.849)	(6.188.269.322)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(211.776.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	(48.500.000.000)
4. Tiền thu từ việc bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.000.000.000	54.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.798.835.673	1.051.781.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.798.835.673	6.340.005.019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		1.849.172.824	151.735.697
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		906.119.361	754.365.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		41.337	18.347
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		2.755.333.522	906.119.361

Người lập biểu và Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Mẫu B05-CTQ

(Ban hành theo Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		01/01/2022	01/01/2023	Năm 2022		Năm 2023		31/12/2022	31/12/2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		39.000.000.000	39.000.000.000	-	-	-	-	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(6.703.697.744)	(10.336.296.330)	-	(3.632.598.586)	-	(7.919.696.923)	(10.336.296.330)	(18.255.993.253)
Cộng (*)		32.296.302.256	28.663.703.670	-	(3.632.598.586)	-	(7.919.696.923)	28.663.703.670	20.744.006.747

Ghi chú:

(*) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn chủ sở hữu của Công ty CP Quản Lý Quỹ Phú Hưng còn lại 20.744.006.747 VND thấp hơn vốn điều lệ tối thiểu đối với công ty quản lý quỹ (là 25.000.000.000 VND) theo quy định tại khoản 3, Điều 175, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Người lập biểu và Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quỳnh Mai



Lư, Hui-Hung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo giấy phép ban đầu số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102594384 cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 25 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ chứng khoán.

3. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Không có.

5. Tổng số nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 29 nhân viên trong đó có 12 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề (ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty có 25 nhân viên trong đó có 11 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|--------|
| - Phần mềm máy tính | 03 năm |
| - Máy móc thiết bị | 05 năm |

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn không quá 1 (một) năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (không bao gồm Sàn giao dịch Chứng khoán UpCom):

- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:

- + Giá trị sổ sách;
- + Giá mua;
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán UpCom:

- Giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn 02 tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:

- + Giá trị sổ sách;
- + Giá mua;
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:

- Giá trị trung bình dựa trên báo cáo giá của tối thiểu 03 Công ty chứng khoán không phải là Công ty có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 Công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:

- + Giá từ các báo giá;
- + Giá của các kỳ báo cáo gần nhất;
- + Giá trị sổ sách;
- + Giá mua;
- + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Tức là: Max (Giá từ các báo cáo, giá của kỳ báo cáo gần nhất, giá trị sổ sách, giá mua, giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Chi phí di dời văn phòng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 (một) năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 (một) năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch (lớn hơn/ nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

23 - C. T.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QU
PHÚ HƯNG
T. PHỐ C

001172
CÔNG T
TNHH
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM
PHÍA N
I - T. P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu - ghi nhận ban đầu và trình bày

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

c. Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

Nếu giá trị hợp lý không thể xác định được, giá trị ghi sổ sẽ được thể hiện ở cột giá trị hợp lý.

d. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	31/12/2022
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.755.333.522	906.119.361
Tiền gửi ngân hàng VND	2.753.858.863	904.686.039
Tiền gửi ngân hàng BIDV	163.860.250	162.952.540
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank	506.305.780	699.932.150
Tiền gửi ngân hàng Nam Á	2.041.297.324	13.425.867
Tiền gửi ngân hàng VIB	42.395.509	28.375.482
Tiền gửi ngân hàng USD	1.474.659	1.433.322
Tiền gửi ngân hàng BIDV (USD)	1.474.659	1.433.322
Tổng cộng	2.755.333.522	906.119.361

Ghi chú:

(*) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2023	31/12/2022
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	12.000.000.000	24.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm BIDV	-	1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn của NH Nam Á (*)	12.000.000.000	23.000.000.000
Tổng cộng	12.000.000.000	24.000.000.000

Ghi chú:

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 94, 95, 96, 97-HĐT/G/2023/H.NGHI ngày 27 tháng 02 năm 2023, số tiền 3.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 10,75%/năm, trả lãi cuối kỳ.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2023	31/12/2022
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	265.282.571	170.122.847
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	21.663.206	24.870.719
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	141.108	-
Tổng cộng	287.086.885	194.993.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

4.1. Ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
Lãi tiền gửi	1.088.547.940	1.223.463.013
Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 2 (1)	92.000.000	92.000.000
Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 1 (2)	90.000.000	90.000.000
Đặt cọc tiền thuê căn hộ Scenic Valley (Lô MD3)	-	101.640.000
Tiền tạm ứng cho nhân viên	-	2.500.000
Đặt cọc thuê văn phòng (3.1)	171.700.572	-
Phải thu tiền thuê nhà được miễn giảm	136.314.850	-
Tổng cộng	1.578.563.362	1.509.603.013

4.2. Dài hạn

	31/12/2023	31/12/2022
Đặt cọc thuê văn phòng (3.2)	608.199.391	171.700.572
Đặt cọc tiền thuê xe (4)	108.000.000	108.000.000
Đặt cọc vỏ bình nước	500.000	500.000
Đặt cọc thuê máy photocopy	2.500.000	4.800.000
Đặt cọc thẻ taxi VinaSun	5.000.000	5.000.000
Đặt cọc Công ty TNHH Grab	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	729.199.391	295.000.572

Ghi chú:

(1) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 2 ngày 16 tháng 08 năm 2023, thời hạn thuê 12 tháng từ ngày 01 tháng 09 năm 2023 đến ngày 31 tháng 08 năm 2024, giá thuê 138.000.000 đồng/quý. Đặt cọc trước 92.000.000 đồng.

(2) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Crescent Residence 1 ngày 25 tháng 02 năm 2022, thời hạn 12 tháng từ ngày 25 tháng 02 năm 2022 đến ngày 25 tháng 02 năm 2023, số tiền thuê 135.000.000 đồng/quý. Đặt cọc trước 90.000.000 đồng. Phụ lục số 01 ngày 07 tháng 01 năm 2023 gia hạn thời hạn hợp đồng đến hết ngày 24 tháng 02 năm 2024.

(3.1) Hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng số 091120/PMH_PMHT_21F_U4 có hiệu lực từ ngày 09 tháng 11 năm 2020, thời hạn 5 năm từ ngày 19 tháng 01 năm 2021 đến ngày 18 tháng 01 năm 2026. Đặt cọc trước 171.700.572 đồng, hợp đồng dự kiến thanh lý vào năm 2024.

(3.2) Hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng số 310523/PMH_PMHT_U9,10,11-20F có hiệu lực từ ngày 31 tháng 05 năm 2023, thời hạn 5 năm từ ngày 15 tháng 09 năm 2023 đến ngày 15 tháng 09 năm 2028. Đặt cọc trước 608.199.391 đồng.

(4) Hợp đồng thuê xe ô tô số 01/HĐTX/LHT/QL-QPH/2022 thời hạn thuê 48 tháng từ ngày 23 tháng 12 năm 2022 đến ngày 23 tháng 12 năm 2026, số tiền thuê 27.000.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 108.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	211.776.400	211.776.400
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	211.776.400	211.776.400
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	17.648.035	17.648.035
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	42.355.284	42.355.284
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	-	-	-	42.355.284	42.355.284
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	60.003.319	60.003.319
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	194.128.365	194.128.365
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	151.773.081	151.773.081

Ghi chú :

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: Không có

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

Ghi chú:

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 397.464.302 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

7.1 Ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	159.593.311	102.470.042
- Chi phí học phí	264.232.532	259.982.228
- Chi phí thuê thiết bị công nghệ thông tin	441.276.000	383.856.000
- Bảo hiểm sức khỏe	56.146.878	64.211.489
- Chi phí thuê căn hộ	235.500.000	178.820.000
- Chi phí phân tích và truy cập dữ liệu	168.783.000	-
Tổng cộng	1.325.531.721	989.339.759

7.2 Dài hạn

- Chi phí xây dựng, sửa chữa văn phòng	3.036.272.593	644.081.598
- Chi phí di dời thiết bị công nghệ thông tin	117.406.106	245.796.999
- Chi phí phần mềm	1.127.797.818	-
Tổng cộng	4.281.476.517	889.878.597

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023	31/12/2022
Công ty TNHH TM XD Lưu Giang	1.031.902.378	-
Bloomberg Singapore Pte. Ltd	152.326.657	-
Đối tượng khác	47.545.310	15.881.910
Tổng cộng	1.231.774.345	15.881.910

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	31/12/2022
- Chi phí cấp quyền và dịch vụ phần mềm	116.809.095	-
- Chi phí phải trả phí kiểm toán	44.000.000	88.000.000
- Chi phí phải trả phí thuê thiết bị công nghệ thông tin	-	95.982.000
- Chi phí khác	278.494	-
Tổng cộng	161.087.589	183.982.000

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

10.1 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2022	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2023
- Thuế thu nhập cá nhân	131.673.969	862.825.433	691.039.257	303.460.145
- Thuế nhà thầu	-	39.258.013	22.801.670	16.456.343
- Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng	131.673.969	905.083.446	716.840.927	319.916.488

10.2 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.178.316	-	-	16.178.316
Tổng cộng	16.178.316	-	-	16.178.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

11. VỐN CỔ PHẦN

	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Vốn cổ phần được duyệt	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông (*)	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000

Ghi chú:

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>Vốn góp tại ngày 31/12/2023</u>	<u>% sở hữu</u>
Công ty TNHH Phát triển Thế Vũ	2.145.000	21.450.000.000	55,00%
Ông Albert, Kwang-Chin Ting	877.500	8.775.000.000	22,50%
Ông Kwang, Hung-Ting	877.500	8.775.000.000	22,50%
Tổng cộng	3.900.000	39.000.000.000	100%

12. NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
- USD	61,24	61,24
Tổng cộng	61,24	61,24

13. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>31/12/2022</u>
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	55.057.744	61.900.390
- Công ty Cổ phần Fei Yueh Việt Nam (1)	-	20.372.971
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Cuộc Sống Mới (2)	55.057.744	41.527.419
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	1.392.998	-
- Ông. Chiou, Young-Jang (3)	1.392.998	-
Tổng cộng	56.450.742	61.900.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiết khoản tiền gửi của từng nhà đầu tư ủy thác:

(1) Công ty Cổ phần Fei Yueh Việt Nam

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Số đầu năm	20.372.971	-
Tăng trong năm	15.484.537.626	20.070.517.176
Nhận gốc và lãi trái phiếu	15.483.852.000	-
Nhận tiền ủy thác	-	20.070.000.000
Khác	685.626	517.176
Giảm trong năm	15.504.910.597	20.050.144.205
Mua trái phiếu	-	14.336.900.000
Trả trước hạn vốn ủy thác	-	5.678.100.000
Thanh lý hợp đồng ủy thác	15.491.219.372	-
Khác	13.691.225	35.144.205
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>20.372.971</u>

**(2) Công ty TNHH Một Thành Viên
 Thương Mại Dịch Vụ Cuộc Sống Mới**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Số đầu năm	41.527.419	-
Tăng trong năm	5.775.942.705	100.002.474.543
Nhận lãi trái phiếu	5.774.420.000	-
Nhận tiền ủy thác	-	100.000.000.000
Khác	1.522.705	2.474.543
Giảm trong năm	5.762.412.380	99.960.947.124
Rút lãi trái phiếu	5.460.000.000	-
Mua trái phiếu	-	64.870.360.200
Mua chứng chỉ quỹ	-	35.000.000.000
Khác	302.412.380	90.586.924
Số cuối năm	<u>55.057.744</u>	<u>41.527.419</u>

(3) Ông. Chiou, Young-Jang

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	3.100.076.688	-
Nhận tiền ủy thác	3.100.000.000	-
Khác	76.688	-
Giảm trong năm	3.098.683.690	-
Mua trái phiếu	3.020.790.000	-
Mua chứng chỉ tiền gửi	72.000.000	-
Khác	5.893.690	-
Số cuối năm	<u>1.392.998</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1,
Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Mẫu B09- CTQ

(Ban hành theo Thông tư 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

14. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	31/12/2023	31/12/2022
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	99.627.303.429	114.212.860.200
<i>Chứng chỉ quỹ 904P000001 PHVSF (Chứng chỉ quỹ Công ty CP QLO Phú Hưng)</i>	37.070.810.000	35.005.600.000
<i>Trái phiếu niêm yết VND122012 (Trái phiếu Công ty CP Chứng khoán VNDirect)</i>	-	14.336.900.000
<i>Trái phiếu niêm yết VND122013 (Trái phiếu Công ty CP Chứng khoán VNDirect)</i>	32.817.024.936	34.070.560.200
<i>Trái phiếu niêm yết MSN121013 (Trái phiếu Công ty CP Tập đoàn Masan)</i>	29.739.468.493	30.799.800.000
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	2.965.267.808	-
<i>Trái phiếu niêm yết MSN121014 (Trái phiếu Công ty CP Tập đoàn Masan)</i>	2.965.267.808	-
Tổng cộng	102.592.571.237	114.212.860.200

15. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Phải thu trái tức	31/12/2023	31/12/2022
	4.287.692.977	2.887.567.891
Tổng cộng	4.287.692.977	2.887.567.891

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Phải trả phí quản lý	31/12/2023	31/12/2022
Phải trả phí lưu ký	22.715.315	24.870.719
	4.193.382	4.393.587
Tổng cộng	26.908.697	29.264.306



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

17. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng)

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu thuần bao gồm		
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (*)	500.613.177	498.773.250
- Doanh thu hoạt động tư vấn	3.761.516.129	5.908.064.516
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ mở-PHVSF (**)	1.584.197.096	168.748.206
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	265.049.737	115.782.906
- Doanh thu khác	6.764.496	-
Tổng cộng	6.118.140.635	6.691.368.878

Ghi chú:

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu Tư Triển Vượng Việt Nam (VPDF) và Quỹ Đầu Tư Phát Triển Hàng Thông (HTDF) là các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động từ VPDF và HTDF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi tháng. Phí thường hoạt động chỉ được nhận khi công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ đầu tư.

(**) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam, quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý bằng 1,5% giá trị tài sản ròng mỗi năm. Số tiền dịch vụ nhận được hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.663.920.600	1.451.758.134
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	41.337	18.347
Tổng cộng	1.663.961.937	1.451.776.481

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
- Chi phí nhân viên quản lý	10.752.192.797	9.758.747.431
- Chi phí đồ dùng văn phòng	393.294.581	183.787.297
- Chi phí khấu hao TSCĐ	42.355.284	-
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.888.336.182	1.506.800.153
- Chi phí bằng tiền khác	552.620.614	273.409.064
Tổng cộng	15.631.799.458	11.725.743.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

20. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
- Ứng hộ ra bên ngoài	50.000.000	50.000.000
- Các khoản phạt	20.000.000	-
- Chi phí khác	37	-
Tổng cộng	70.000.037	50.000.000

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.919.696.923)	(3.632.598.586)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	69.977.010	59.466.380
+ Các khoản điều chỉnh tăng	70.018.347	59.466.380
+ Các khoản điều chỉnh giảm	41.337	18.347
- Tổng thu nhập chịu thuế	(7.849.719.913)	(3.573.132.206)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất thông thường (20%)	-	-
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.919.696.923)	(3.632.598.586)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2023	31/12/2022
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong năm báo cáo	-	-
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản tương đương tiền	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý.	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong năm.	-	-
c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không
2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : Không
3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:
 - Thu nhập: Không phát sinh
 - Chi phí: Không phát sinh
 - Lãi (lỗ): Không phát sinh



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

Không phát sinh Báo cáo bộ phận theo CMKT số 28.

4. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

Không có.

5. Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

6. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	3.900.000		
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3.900.000		
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-		
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 VND/cổ phiếu		
	31/12/2023	31/12/2022	
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	3.900.000	3.900.000	
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	-	-	

7. Giao dịch với các bên liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm 2023</i>	<i>Năm 2022</i>
Công ty TNHH Phát triển Thế Vũ	Góp vốn	-	21.450.000.000
Ông Albert, Kwang-Chin Ting	Rút vốn	-	6.825.000.000
Ông Kwang, Hung-Ting	Rút vốn	-	6.825.000.000
Ông Lu, Hui-Hung	Lương và thưởng	952.826.624	845.600.000
Bà Kuo, Ping-Min	Lương và thưởng	888.591.067	584.634.783
Bà Shiu, Jingshia	Lương và thưởng	640.933.333	191.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8. Quản lý rủi ro của công ty

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

8.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính;...

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Rủi ro về tỷ giá ngoại tệ của Công ty không lớn vì phần lớn các tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính của Công ty là bằng Đồng Việt Nam.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn. Đây là khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính sẽ suy giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ. Công ty không chịu rủi ro giá thị trường do Công ty không nắm giữ cổ phiếu nào tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

8.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

a. Đối với khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	1.231.774.345	-	-	1.231.774.345
Chi phí phải trả	161.087.589	-	-	161.087.589
Phải trả người lao động	668.325.339	-	-	668.325.339
Các khoản phải trả khác	32.287	-	-	32.287
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	15.881.910	-	-	-
Chi phí phải trả	183.982.000	-	-	183.982.000
Phải trả người lao động	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.755.333.522	906.119.361	2.755.333.522	906.119.361
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	287.086.885	194.993.566	287.086.885	194.993.566
Trả trước cho người bán	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	2.307.762.753	1.804.603.585	2.307.762.753	1.804.603.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	1.231.774.345	15.881.910	1.231.774.345	15.881.910
Người mua trả tiền trước	-	-	-	-
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	668.325.339	-	668.325.339	-
Chi phí phải trả	161.087.589	183.982.000	161.087.589	183.982.000
Các khoản phải trả khác	32.287	-	32.287	-

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu hoạt động nghiệp vụ, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, người mua trả tiền trước, chi phí phải trả và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

10. Thông tin so sánh:

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu và Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quỳnh Mai

Lập, ngày 26 tháng 03 năm 2024
Tổng Giám Đốc

Lu, Hui-Hung



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024
Ho Chi Minh City, 28 March 2024

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Về tình hình hoạt động của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng cho năm tài chính 2023

ASSESSMENT REPORT

On the Business Performance
of Phu Hung Fund Management JSC. in fiscal year 2023

Kính gửi / To: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF PHU HUNG FUND MANAGEMENT JSC.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng;
Pursuant to the Charter of Phu Hung Fund Management JSC.;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS);
Pursuant to the Company's Financial Statements for fiscal year 2023 audited by Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service Ltd. (AASCS);
- Căn cứ Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán & Kiểm Toán Phía Nam (AASCS);
Pursuant to the Company's Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2023 audited by Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service Ltd. (AASCS);
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2023;
Based on the business performance of Phu Hung Fund Management JSC. in 2023;
- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.
Pursuant to the rights and obligations of the Supervisory Board;

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về thẩm định tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2023 như sau:

The Company's Board of Supervisors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders an appraisal of the Company's operations in the fiscal year 2023 as follows:

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 BUSINESS PERFORMANCE AND FINANCIAL STATEMENTS OF 2023

Ban Kiểm soát xác nhận số liệu về tình hình hoạt động của Công ty trong Báo cáo tài chính năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý.

The Board of Supervisors confirmed that the data on the Company's operations in the 2023 Financial Statements reflected truthfully and reasonably.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC VÀ QUY ĐỊNH CÔNG TY IMPLEMENTATION OF THE STATE LAWS AND COMPANY'S REGULATIONS

Công ty tuân thủ đúng với những quy định trong Luật Chứng khoán và những quy định khác của Nhà nước, cụ thể là:

The Company has complied with the Law on Securities and relevant regulations of the State, namely:

a) Về tỷ lệ an toàn tài chính

On financial safety ratio

Đáp ứng theo yêu cầu quy định tại thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/11/2020, Công ty lập và gửi đầy đủ báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tháng. Tại thời điểm 31/12/2023, tỷ lệ an toàn tài chính là 235,25% và vốn chủ sở hữu của Công ty là 14.164.026.037 đồng (thấp hơn vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật). Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức thực hiện phương án khắc phục bằng cách tăng vốn điều lệ theo kế hoạch tăng vốn đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường thông qua tại ngày 31/10/2023.

Meeting the requirements specified in Circular 91/2020/TT-BTC promulgated by the Ministry of Finance on 13 November 2020, the Company fully prepared and submitted Financial Safety Ratio Reports on monthly basis. As of 31 December 2023, the financial safety ratio is 235.25% and shareholders' equity of the Company is 14,164,026,037 VND (lower than the minimum charter capital prescribed by law). The Board of Directors has organized the remedial plan by increasing charter capital according to the capital increase plan approved by the Extraordinary General Meeting of Shareholders on 31 October 2023.

b) Về công bố thông tin:

On information disclosure:

Công ty đáp ứng theo yêu cầu quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020.

The Company meets the requirements specified in Circular 96/2020/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 16 November 2020.

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY NĂM 2023

*PERFORMANCE OF THE COMPANY'S BOARD OF DIRECTORS AND GENERAL DIRECTOR
IN 2023*

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã thực hiện theo Điều lệ và các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và hoàn thành trách nhiệm vì lợi ích cao nhất của Công ty.

The Board of Directors and General Director have complied with the Charter and Resolutions of the General Meeting of Shareholders and fulfilled their duty for the best interest of the Company

4. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT

COMMENTS OF THE BOARD OF SUPERVISORS

a) Trong năm tài chính 2023, Công ty đã nghiêm túc chấp hành và tuân thủ quy định của pháp luật và không có khiếu nại của cổ đông đối với hoạt động của Công ty.

In fiscal year 2023, the Company has strictly implemented and complied with the current provisions of laws and there were no complaints from the shareholders on the business activities of the Company.



- b) Ban Kiểm soát đề nghị Công ty tăng cường các quy trình kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị rủi ro để đảm bảo rằng Công ty có kỷ luật tốt và các hoạt động của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

The Board of Supervisors requires the Company to enhance processes of internal control and risk management to ensure that the Company is well disciplined and that the Company's operation is conducted in accordance with the regulations of laws.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Kindly submit to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

Trân trọng,
Respectfully,

Đính kèm / Enclosure:

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023;
2023 Audited Financial Statements;
- Báo cáo tỷ lệ ATTC kiểm toán tại ngày 31/12/2023.
Audited Financial Safety Ratio Report as of 31/12/2023.

THAY MẶT BAN KIỂM SOÁT
ON BEHALF OF BOARD OF SUPERVISORS

Trưởng Ban Ban Kiểm Soát
Head of Board of Supervisors



LIEW SEP SIANG



**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

**PHU HUNG FUND MANAGEMENT
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2024
Ho Chi Minh City, 02 April 2024*

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (“PHFM”)

PROPOSAL

**TO THE 2023 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
PHU HUNG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY (“PHFM”)**

**Kính gửi / To: Đại Hội Đồng Cổ Đông CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng
General Meeting of Shareholders of Phu Hung Fund Management JSC.**

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng;
Pursuant to the Charter of Phu Hung Fund Management JSC.;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS);
Pursuant to the Company’s Financial Statements for fiscal year 2023 audited by Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service Ltd. (AASCS);
- Căn cứ Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán & Kiểm Toán Phía Nam (AASCS);
Pursuant to the Company’s Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2023 audited by Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service Ltd. (AASCS);

Hội Đồng Quản Trị CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các nội dung đề xuất như sau:

The Board of Directors of Phu Hung Fund Management JSC, respectfully submits the following proposals to the General Meeting of Shareholders:

I. THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG CHANGING HEAD OFFICE ADDRESS OF PHU HUNG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Hội Đồng Quản Trị CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng như sau:

The Board of Directors of Phu Hung Fund Management JSC. respectfully submits to the General Meeting of Shareholders the Changing head office address of Phu Hung Fund Management Joint Stock Company as follows:

- Địa chỉ cũ của Công ty: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Company's old address: Unit 4, 21st Floor, Phu My Hung Tower, 8 Hoang Van Thai, Quarter 1, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City
- Địa chỉ mới của Công ty: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Company's new address: 20th Floor, Phu My Hung Tower, 8 Hoang Van Thai, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City

II. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CỦA CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

CHANGING CHARTER OF PHU HUNG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Hội Đồng Quản Trị CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc sửa đổi Điều lệ của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng như sau:

The Board of Directors of Phu Hung Fund Management JSC. respectfully submits to the General Meeting of Shareholders the amendments to the Charter of Phu Hung Fund Management Joint Stock Company as follows:

STT No.	Điều khoản Điều lệ mới <i>Terms of the new Charter</i>	Điều khoản Điều lệ cũ <i>Terms of the old Charter</i>	Lý do chỉnh sửa, bổ sung <i>Reasons for amendments & supplementations</i>
1	<p>Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính</p> <p>1. Địa chỉ trụ sở chính:</p> <p>- Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p><i>Article 4. Head office address</i></p> <p><i>1. Head office address:</i></p> <p>- Address: 20th Floor, Phu My Hung Tower, 8 Hoang Van Thai, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City</p>	<p>Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính</p> <p>1. Địa chỉ trụ sở chính:</p> <p>- Địa chỉ: <u>Phòng số 4, Tầng 21</u>, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p><i>Article 4. Head office address</i></p> <p><i>1. Head office address:</i></p> <p>- Address: <u>Unit 4, 21st Floor</u>, Phu My Hung Tower, 8 Hoang Van Thai, Quarter 1, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City</p>	<p>Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.</p> <p><i>Changed the head office address of the Company.</i></p>
2		<p>Điều 78. Hiệu lực của Điều lệ</p> <p>Điều lệ này được Hội đồng quản trị thông qua ngày 05 tháng 03 năm 2024 theo ủy quyền hợp pháp của Đại hội</p>	<p>Điều chỉnh lại cách viết để hợp lý hơn.</p> <p><i>Adjusted the writing to be more appropriate.</i></p>

<p>Điều <u>78</u>. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ</p> <p>Điều <u>79</u>. Hiệu lực của Điều lệ</p> <p><u>Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2024. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024.</u></p> <p>Điều lệ này gồm 13 (mười ba) chương và <u>79 (bảy mươi chín)</u> điều và được làm thành <u>ba (03) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh. Một (01) bản tiếng Việt được nộp cho UBCKNN, hai (02) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh được lưu tại Công ty.</u></p> <p>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng.</p>	<p>đồng cổ đông ngày 31 tháng 10 năm 2023. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày tháng 04 năm 2024.</p> <p>Điều <u>79</u>. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ</p> <p>Điều <u>80</u>. Hiệu lực của Điều lệ</p> <p>Điều lệ này gồm 13 (mười ba) chương và <u>80 (tám mươi)</u> điều và được làm thành <u>3 bản mỗi bản có giá trị pháp lý như nhau.</u></p> <p>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng.</p> <p>Lập và được thông qua tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024.</p> <p>Article 78. Validity of the Charter</p> <p>This Charter was approved by the Board of Directors on 05 March 2024 according to the legal authorization of the General Meeting of Shareholders on 31 October 2023. This Charter shall be of</p>	
--	--	--

<p>Article <u>78</u>. Amendment of and supplementation to the Charter</p> <p>Article <u>79</u>. Validity of the Charter</p> <p><u>This Charter was approved by the General Meeting of Shareholders on 26 April 2024. This Charter shall take effect as from 2024.</u></p> <p><u>This Charter comprises 13 (thirteen) chapters and 79 (seventy-nine) articles is made into three (03) Vietnamese versions and one (01) English version. One (01) Vietnamese version is submitted to the State Securities Commission, two (02) Vietnamese versions and one (01) English version are kept at the Company.</u></p> <p>Copies or extracts of the Charter must be signed by the Chairman of Board of Directors or General Director of Phu Hung Fund Management Joint Stock Company.</p>	<p>full force and effective as from April 2024.</p> <p>Article <u>79</u>. Amendment of and supplementation to the Charter</p> <p>Article 80. Validity of the Charter</p> <p>This Charter comprises 13 (thirteen) chapters and 80 (eighty) articles and is made in 3 copies each of equal legal validity.</p> <p>Copies or extracts of the Charter must be signed by the Chairman of Board of Directors or General Director of Phu Hung Fund Management Joint Stock Company.</p> <p>Made and passed in Ho Chi Minh City on 05 March 2024.</p>	
---	--	--

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 REPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS ON BUSINESS PERFORMANCE IN 2023

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PERFORMANCE OF THE BOARD OF DIRECTORS

a) Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị

Structure of the Board of Directors

Hội Đồng Quản Trị CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng nhiệm kỳ 2012 – 2027 hiện có 04 (bốn) thành viên:

- Ông Albert Kwang-Chin Ting – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Mr. Albert Kwang-Chin Ting – Chairman of Board of Directors

- Ông Wu, Jin-Jeng – Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Mr. Wu, Jin-Jeng – Member of Board of Directors
- Ông Ho, Feng Tao – Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Mr. Ho, Feng Tao – Member of Board of Directors
- Bà Huang, Wan-Hui – Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Ms. Huang, Wan-Hui – Member of Board of Directors

b) Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết và công tác giám sát của Hội Đồng Quản Trị năm 2023

Summary of the Board of Directors' meetings, resolutions and administration in 2023

- Số lượng cuộc họp: 07 (bảy) cuộc họp
Number of meetings held: 07 (seven) meetings
- Mục đích các cuộc họp: Quyết định các hoạt động kinh doanh cho từng thời kỳ phù hợp với mục tiêu phát triển chung của Công ty.
Purpose of meetings: Decide on business activities for each period in accordance with the Company's overall development goals.
- Nội dung các cuộc họp: Hội Đồng Quản Trị xem xét đánh giá và phê duyệt các báo cáo hoạt động định kỳ của Công ty, tổ chức thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty để khắc phục tình trạng vốn chủ sở hữu thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo ủy quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
Content of the meetings: The Board of Directors has reviewed, evaluated and approved the Company's periodic operational reports, organized the implementation of the plan to increase the Company's charter capital to remedy the situation of Company's equity being lower than the minimum charter capital as authorized by the General Meeting of Shareholders.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2023
COMPANY'S BUSINESS PERFORMANCE IN FISCAL YEAR 2023

a) Số liệu kinh doanh năm 2023
Financials in 2023

Chỉ tiêu <i>Item</i>	31/12/2023 (VND)	31/12/2022 (VND)	% thay đổi % change
1	2	3	4 = 2/3
1. Tổng tài sản <i>Total assets</i>	23.125.142.795	28.995.241.549	-20,25%
2. Tổng nợ phải trả <i>Total liabilities</i>	2.381.136.048	331.537.879	618,21%
3. Vốn chủ sở hữu <i>Equity</i>	20.744.006.747	28.663.703.670	-27,63%
4. Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	6.118.140.635	6.691.368.878	-8,57%
5. Lợi nhuận gộp <i>Gross profit</i>	6.118.140.635	6.691.368.878	-8,57%
6. Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	(7.919.696.923)	(3.632.598.586)	118,02%

7. Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	(7.919.696.923)	(3.632.598.586)	118,02%
--	-----------------	-----------------	---------

b) Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Key ratios

Chỉ tiêu <i>Item</i>	2023	2022
1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn <i>Capital structure criteria</i>		
- Nợ phải trả/Tổng tài sản <i>Liabilities/Total assets</i>	10,30%	1,14%
- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu <i>Liabilities/Equity</i>	11,48%	1,16%
2. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời <i>Profitability criteria</i>		
- Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) <i>Return on Assets</i>	-34,25%	-12,53%
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Return on Equity</i>	-38,18%	-12,67%

IV. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2023

PROFIT DISTRIBUTION PLAN IN 2023

Hội Đồng Quản Trị CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

The Board of Directors of Phu Hung Fund Management JSC. respectfully submits to the General Meeting of Shareholders the Profit distribution plan for 2023 as follows:

Kết quả kinh doanh năm 2023:

Business performance in 2023:

• Doanh thu <i>Revenue</i>	6.118.140.635
• (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế <i>(Loss)/Profit after tax</i>	(7.919.696.923)
• (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối <i>(Accumulated losses)/Undistributed profits</i>	(18.255.993.253)
• Tỷ lệ chi trả cổ tức <i>Dividend payout ratio</i>	0%

Xét tình hình thực tế của Công ty, Hội Đồng Quản Trị Công ty kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc không chia cổ tức trong năm 2023.

Considering the actual situation of the Company, the Board of Directors of the Company respectfully submits to the General Meeting of Shareholders to approve not paying dividends in 2023.

V. THÙ LAO CHO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

RENUMERATION FOR MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF SUPERVISORS IN 2023

Hội Đồng Quản Trị CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông Đề xuất thù lao cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát năm 2023 như sau:

The Board of Directors of Phu Hung Fund Management JSC. respectfully submits to the General Meeting of Shareholders the proposed remuneration for members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors in 2023 as follows:

	2023	Kế hoạch 2024 2024 Plan
Hội Đồng Quản Trị <i>Board of Directors</i>	0 đồng 0 VND	0 đồng 0 VND
Ban Kiểm Soát <i>Board of Supervisors</i>	0 đồng 0 VND	0 đồng 0 VND

VI. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

2024 BUSINESS PLAN

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế của nền kinh tế và kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023, Hội Đồng Quản Trị CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông Kế hoạch kinh doanh cho năm 2024 như sau:

In view of the estimation of economy outlook and development plan of the Company in 2023, the Board of Directors of Phu Hung Fund Management JSC. respectfully submits to the General Meeting of Shareholders the 2024 Business plan as follows:

Chỉ tiêu Item	Kế hoạch 2024 2024 Plan	2023	Thay đổi (%) Changes (%)
	a	b	c = a/b - 1
Tổng doanh thu (Kinh doanh + Tài chính) <i>Total revenue</i> <i>(Business + Financial)</i>	10.935.312.760	7.782.102.572	40,52%
Tổng chi phí (Hành chính + Kinh doanh + Tài chính) <i>Total expenses</i> <i>(G&A + Business + Financial)</i>	18.061.538.061	15.631.799.458	15,54%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profits before tax</i>	(7.126.225.301)	(7.919.696.923)	-10,02%
Thù lao HĐQT và BKS <i>Remuneration of BOD and BOS</i>	0	0	-

VII. CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CHO NĂM 2024

SELECTION OF INDEPENDENT AUDITOR FOR 2024

Hội Đồng Quản Trị CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc Chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024 như sau:

The Board of Directors of Phu Hung Fund Management JSC. respectfully submits to the General Meeting of Shareholders the Selection of independent auditor in 2024 as follows:

Tên đơn vị kiểm toán / Auditor:

Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán phía Nam (AASCS)
Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service Ltd. (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Address: 29 Vo Thi Sau, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Điện thoại / Tel: +84 (28) 3820 5944

Fax: +84 (28) 3820 5942

Kính trình Đại hội xem xét và quyết định.

Kindly submitted to the General Meeting of Shareholders for consideration.

Trân trọng.

Respectfully.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

Chủ tịch / Chairman



Albert Kwang-Chin Ting

13/1/2024



THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HÙNG
VOTING RULES
AT THE 2023 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
OF PHU HUNG FUND MANAGEMENT JSC.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Pursuant to the Law on Enterprise No. 59/2020/QH14 dated 17 June 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Pursuant to Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019;
- Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020;
Pursuant to Circular No. 99/2020/TT-BTC dated 16 November 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hùng.
Pursuant to Charter of Phu Hung Fund Management JSC.

Việc biểu quyết thông qua các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 ngày 26/04/2024 được thực hiện như sau:
Voting to approve the Resolutions of the General Meeting of Shareholders at the 2023 Annual General Meeting of Shareholders on 26 April 2024 is carried out as follows:

I. Đối tượng được tham gia biểu quyết

Subjects eligible to participate in voting

1. Tất cả các cổ đông của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hùng (“PHFM”) tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2023 ngày 26/04/2024, bao gồm cả người được cổ đông của PHFM ủy quyền hợp pháp dự họp (sau đây gọi chung là “cổ đông”) đều có quyền biểu quyết.

All shareholders of Phu Hung Fund Management JSC. (“PHFM”) attending the 2023 Annual General Meeting of Shareholders (“GMS”) on 26 April 2024, including those legally authorized by PHFM shareholders to attend the meeting (hereinafter referred to as “shareholders”) have voting rights.

2. Cổ đông của PHFM không dự họp và cũng không ủy quyền hợp pháp cho người khác dự họp thì không có quyền biểu quyết.

PHFM’s shareholders who do not attend the meeting and do not legally authorize others to attend the meeting do not have voting rights.

II. Phương thức biểu quyết

Voting procedure

1. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu Phiếu biểu quyết, sau đó kiểm phiếu, tập hợp số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

The GMS discusses and votes on each issue in the meeting agenda. Voting is carried out by collecting voting ballots, then counting the votes, gathering the number of votes agree, disagree or abstain.

2. Mỗi cổ đông khi làm thủ tục đăng ký đại biểu sẽ được phát 01 Phiếu biểu quyết được đóng dấu của PHFM. Trên Phiếu biểu quyết có in mã cổ đông, số cổ phần mà cổ đông đại diện tại cuộc họp, nội dung các nghị quyết và phần biểu quyết “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” của từng nghị quyết.

Each shareholder when completing the delegate registration procedure will be given 01 Voting Form stamped by PHFM. The shareholder code, the number of shares that the shareholder represents at the meeting, the content of the resolutions and the votes of “approve”, “disapprove” and “abstain” of each individual resolution are printed on the Voting Form.

III. Cách thức biểu quyết

Voting method

1. Cổ đông lựa chọn nội dung biểu quyết bằng cách đánh dấu (×) hoặc (✓) vào 1 trong những ô (“tán thành”; “không tán thành”; “không có ý kiến”) trên Phiếu biểu quyết và ký, ghi rõ họ, tên của cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông.

Shareholders select content to vote on the voting ballots by marking (×) hoặc (✓) in one of the boxes (“agree”, “disagree” or “abstain”) and sign with full name of the shareholder or the authorized person of shareholder.

2. Phiếu biểu quyết hợp lệ

Valid vote:

- Là phiếu biểu quyết do Ban kiểm phiếu phát ra.
Vote which delivered by the Board of vote counting.
- Là phiếu biểu quyết được đánh dấu bằng bút mực, có chữ ký của cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ, ghi rõ họ tên.
Vote which is marked by pen, signed by shareholder or legally authorized person in full name.
- Là phiếu biểu quyết không bị tẩy xóa.
Vote which is not erased.
- Là phiếu biểu quyết chỉ chọn 01 trong 03 ô: “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”.
Vote which is checked only 01 out of 03 boxes namely “agree”, “disagree”, or “abstain”.

IV. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu

How to vote and count votes

1. Cách thức bỏ phiếu

How to vote

- Trước khi tiến hành bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra các hòm phiếu trước sự chứng kiến của tất cả cổ đông tham dự Đại hội và niêm phong hòm phiếu.



Before voting, the Vote Counting Committee will check the ballot boxes in the presence of all shareholders attending the Meeting and seal the ballot boxes.

- Cổ đông bỏ Phiếu biểu quyết đã được điền nội dung theo quy định vào các hòm phiếu ngay khi Ban kiểm phiếu thông báo thu Phiếu biểu quyết. Việc bỏ phiếu được coi là kết thúc khi tất cả các cổ đông đã bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu và ban tổ chức chuyển cho Ban kiểm phiếu để tiến hành kiểm phiếu.

Shareholders cast Voting Ballots that have been filled in according to regulations into the ballot boxes as soon as the Vote Counting Committee announces the collection of Voting Ballots. Voting is considered finished when all shareholders have put the Voting Ballots in the ballot box and the organizers transfer it to the Vote Counting Committee to count the votes.

2. Nguyên tắc kiểm phiếu

Principles for counting votes

- Thủ tục kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu.
Vote counting procedures are conducted immediately after the end of voting.
- Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu chuyển cho Chủ tọa để công bố trước khi bế mạc cuộc họp.
The vote counting results are transferred by the Vote Counting Committee to the Chairman for announcement before closing the meeting.

V. Điều kiện thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại cuộc họp

Conditions for passing the Resolution of the GMS at the meeting

Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:

The Resolution of the GMS is passed at the meeting when the following conditions are met:

1. Được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
Approved by shareholders representing more than 50% of the total votes of all shareholders attending the meeting.
2. Nghị quyết về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty, dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Resolution on types of shares and total number of shares of each type, changes in industries and business fields, changes in the Company's management and organizational structure, reorganization and dissolution of the Company, investment projects or selling assets with a value equal to or greater than 35% of the total value of assets recorded in the Company's most recent financial statements must be approved by a number of shareholders representing at least 65% of the total votes of all shareholders attending the meeting.

VI. Khiếu nại về việc kiểm phiếu

Complaints about vote counting

1. Những khiếu nại về thể lệ biểu quyết trên đây sẽ do Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.



Complaints about the above voting rules will be resolved by the Chairman or Head of the Vote Counting Committee and recorded in the minutes of the GMS.

2. Thể lệ này được đọc trước cuộc họp ĐHĐCĐ của PHFM được tổ chức và ngày 26/04/2024 và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

These rules are read in the GMS of PHFM held on 26 April 2024 and take effect after being approved by the GMS.





DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN

QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

(Sửa đổi và ban hành lần 9)

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Giải thích từ ngữ	5
Điều 2. Tên Công ty	6
Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm	6
Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính	6
Điều 5. Mục tiêu hoạt động và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	7
Điều 6. Thời hạn hoạt động	7
Điều 7. Người đại diện theo pháp luật	7
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG	8
Điều 8. Vốn của Công ty	8
Điều 9. Vốn điều lệ của Công ty	8
Điều 10. Thay đổi vốn điều lệ của Công ty	8
Điều 11. Vốn huy động	9
Điều 12. Các quỹ	9
Điều 13. Cổ phần của Công ty	9
Điều 14. Quyền của cổ đông phổ thông	9
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	13
Điều 16. Cổ phiếu	13
Điều 17. Sổ đăng ký cổ đông	14
Điều 18. Cổ đông	15
Điều 19. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 20. Mua lại cổ phần	17
Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	18
Điều 22. Trả cổ tức	18
Điều 23. Thừa kế cổ phần	19
Điều 24. Chào bán trái phiếu	19
Điều 25. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	20
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY	20
Điều 26. Hình thức tổ chức của Công ty	20
CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
Điều 27. Quy định chung	20
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 29. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 30. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 31. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 32. Mời họp Đại hội đồng cổ đông	24

Điều 33. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 36. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	27
Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 38. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 40. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	32
CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	32
Điều 41. Hội đồng quản trị	32
Điều 42. Thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 43. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	34
Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 45. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	36
Điều 46. Biên bản họp Hội đồng quản trị	38
Điều 47. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị.....	39
Điều 48. Công khai các lợi ích liên quan.....	39
Điều 49. Trách nhiệm của người quản lý Công ty.....	40
Điều 50. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	41
CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT.....	42
Điều 51. Ban kiểm soát.....	42
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	42
Điều 53. Thành viên, Trưởng Ban kiểm soát.....	43
Điều 54. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát.....	44
Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát.....	45
Điều 56. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	45
Điều 57. Thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát	45
CHƯƠNG VII. TỔNG GIÁM ĐỐC	46
Điều 58. Tổng giám đốc.....	46
Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	46
Điều 60. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc.....	47
CHƯƠNG VIII. KIỂM TOÁN NỘI BỘ	47
Điều 61. Kiểm toán nội bộ.....	47
Điều 62. Trách nhiệm và tiêu chuẩn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ	47
CHƯƠNG IX. KIỂM SOÁT NỘI BỘ.....	49

Điều 63. Kiểm soát nội bộ	49
Điều 64. Trách nhiệm và tiêu chuẩn của Bộ phận Kiểm soát nội bộ.....	49
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	50
Điều 65. Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty.....	50
Điều 66. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty	59
Điều 67. Ủy quyền hoạt động	62
Điều 68. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế công ty quản lý quỹ khác	64
Điều 69. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.....	65
CHƯƠNG XI. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY	65
Điều 70. Năm Tài Chính.....	65
Điều 71. Kế toán, kiểm toán và thuế.....	65
Điều 72. Phân phối lợi nhuận.....	65
Điều 73. Chế độ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo	66
CHƯƠNG XII. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY	67
Điều 74. Giải thể công ty	67
Điều 75. Phá sản Công ty.....	67
Điều 76. Tổ chức lại Công ty	67
Điều 77. Chuyển đổi loại hình Công ty	68
CHƯƠNG XIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	69
Điều 78. Hiệu lực của Điều lệ.....	69
Điều 79. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	69
Điều 80. Hiệu lực của Điều lệ.....	69

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản và ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a) **“Công ty”** có nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng.
 - b) **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ Công ty.
 - c) **“Luật chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - d) **“Luật doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
 - e) **“Ngày thành lập”** có nghĩa là ngày mà Công ty được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - f) **“Pháp luật”** là tất cả những văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 - Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2020.
 - g) **“Người quản lý Công ty”** có nghĩa là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

- h) **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 23, Điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 46, Điều 4 của Luật chứng khoán.
 - i) **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - j) **“UBCKNN”** được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
 3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này, nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên Công ty

1. Tên Công ty bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**
2. Tên Công ty bằng tiếng Anh: **PHU HUNG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY**
3. Tên giao dịch: **CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**
4. Tên viết tắt: **PHFM**
5. Việc thay đổi tên Công ty do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định và phải được UBCKNN điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm

1. Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật áp dụng có liên quan với những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều lệ này.
2. Cổ đông góp vốn thành lập Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
3. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản riêng, độc lập về tài chính.
4. Công ty được thành lập trên cơ sở tự nguyện tham gia góp vốn của các cổ đông.

Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính

1. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 5413 7991
- Website: www.phfm.vn
- Email: phfm@phfm.vn

2. Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện. Việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBCKNN.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là tìm kiếm, khai thác cơ hội phát triển trong lĩnh vực quản lý tài sản và quản lý đầu tư chứng khoán nhằm mục đích thu được lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, cải thiện môi trường làm việc và thu nhập của nhân viên, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và nhằm mục tiêu phát triển Công ty một cách bền vững.

2. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

Công ty được phép tiến hành các nghiệp vụ kinh doanh đã ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do UBCKNN cấp, bao gồm các nghiệp vụ sau:

- a) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- b) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- c) Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Điều 6. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty là không có thời hạn bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ khi bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền cho thành viên khác của Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa

vụ của người đại diện pháp luật của Công ty được quy định trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

Điều 8. Vốn của Công ty

Vốn của Công ty bao gồm:

- a) Vốn điều lệ.
- b) Vốn huy động.
- c) Các quỹ hình thành trong quá trình phân phối lợi nhuận
- d) Quỹ khác.

Điều 9. Vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty là 63.180.000.000 VND (Sáu mươi ba tỷ một trăm tám mươi triệu đồng) do cổ đông Công ty đóng góp.

Điều 10. Thay đổi vốn điều lệ của Công ty

1. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
2. Việc tăng vốn điều lệ của Công ty được thực hiện thông qua các hình thức sau:
 - a) Trích nhập từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
 - b) Phát hành thêm cổ phần.
 - c) Đánh giá lại giá trị tài sản của Công ty.
3. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:
 - a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.
 - b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Công ty phải báo cáo UBCKNN trước và sau khi tăng, giảm vốn điều lệ và việc tăng, giảm vốn điều lệ phải phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 11. Vốn huy động

Công ty được phép huy động vốn thông qua các hình thức:

1. Phát hành trái phiếu.
2. Vay vốn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài Việt Nam theo quy định của pháp luật.
3. Nhận góp vốn liên kết và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Các quỹ

Công ty trích lập các Quỹ theo quy định sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ: được trích hàng năm bằng 5% lãi ròng cho đến khi bằng 10% Vốn điều lệ.
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ: được trích hàng năm bằng 5% lãi ròng cho đến khi bằng 10% Vốn điều lệ.
3. Ngoài các quỹ trên, Công ty được thành lập các quỹ khác phù hợp với quy định của pháp luật và theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lên phương án phân phối lợi nhuận, trích và sử dụng các quỹ theo quy định tại Điều lệ của Công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 13. Cổ phần của Công ty

1. Công ty phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
2. Mỗi cổ phần cùng loại đều tạo cho người sở hữu có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 14. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
 - d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là

cổ đông.

- e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình.
 - f) Xem xét, tra cứu, và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.
 - h) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
- a) Xem xét, tra cứu, và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu có liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
 - b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
 - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - d) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
 - b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội

dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện như sau:
 - a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
5. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều lệ này.

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này.

Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.
- b) Trường hợp cổ đông Công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
- c) Văn bản, cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo

ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - (ii) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
 - (iv) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - (v) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty và của người đại diện theo ủy quyền.
- d) Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (i) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
 - (ii) Công ty là doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (trừ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện tại Công ty.
- e) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty tại Đại hội đồng công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này. Mọi hạn chế của công ty đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của công ty tương ứng tại Đại hội đồng công ty đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
- f) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng công ty; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của công ty cử đại diện.
- g) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước công ty cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Công ty cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật.
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 16. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu của Công ty phải có nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
 - b) Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
 - d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên cổ phiếu.

- e) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của cổ đông là tổ chức.
 - f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
 - g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
 - h) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác.
 - b) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy.
 - c) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu Chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.
4. Trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì hoạt động đăng ký cổ phiếu sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy hoặc tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông của Công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - d) Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với cổ đông là tổ chức.
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong Sổ đăng ký cổ đông.
 4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
 5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 18. Cổ đông

Cổ đông của Công ty là tổ chức hay cá nhân, sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

Điều 19. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
 - b) Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
 - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo các quy định sau đây:

- a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
 - b) Thông báo phải gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua.
 - c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
 - d) Trường hợp số lượng cổ phần dự định chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến chào bán còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
 4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
 5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc bằng cách giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chuyển nhượng giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp chỉ

chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
7. Tổ chức nước ngoài đáp ứng điều kiện quy định pháp luật hiện hành và người có liên quan được sở hữu đến 100% vốn điều lệ của Công ty. Cá nhân nước ngoài và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của Công ty. Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ khác và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó (nếu có) không được sở hữu trên 5% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 20. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
- b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường tại thời điểm mua lại hoặc dựa trên cơ sở giá trị hợp lý tại phương án tổ chức lại Công ty, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty được mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

- a) Hội đồng quản trị quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Các trường hợp khác phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá trị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.
- c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

- (i) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty;
- (ii) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nêu trên.

Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 22. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh

toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải ghi rõ tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 19 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 23. Thừa kế cổ phần

Việc thừa kế cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 24. Chào bán trái phiếu

Việc chào bán trái phiếu của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 25. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 22 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 26. Hình thức tổ chức của Công ty

Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Tổng giám đốc

CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 27. Quy định chung

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý).
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.
- m) Thay đổi chương trình hợp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.
- n) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty.

Điều 29. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- b) Báo cáo tài chính hằng năm.
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
 - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này.
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.
- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.
7. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và các công việc khác phục vụ cuộc họp.

- Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 30. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập xong không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 31. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại khoản 1;

- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 32. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông; thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử và cách thức tải tài liệu.

Điều 33. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản uỷ quyền phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được uỷ quyền và số lượng cổ phần được uỷ quyền. Cá nhân, tổ chức được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b) Uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này.

Điều 35. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;
2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba (03) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
 6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã được biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký;
 7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp các trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 36. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty.
 - b) Định hướng phát triển Công ty.
 - c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
 - g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b, c của khoản này, và khoản 6 Điều này, nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
 - b) Nghị quyết về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực

kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thông qua. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 36 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 30 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty.
- b) Mục đích lấy ý kiến.
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân đối với đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết.
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; có thể gửi bằng văn bản hoặc qua email; việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty.

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp.
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trên biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ

đồng quy định tại khoản 2, Điều 14 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 40 của Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 40. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp, thể thức tiến hành họp, và thông qua không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 41. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này.
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của khách hàng uỷ thác quản lý danh mục và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý), trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý chủ chốt trong Công ty bao gồm: Các chức danh Phó phòng (Giám đốc) hay cấp cao hơn của trụ sở văn phòng như trưởng phòng của chi nhánh (nếu có); trưởng văn phòng đại diện.
 - j) Quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc và những người quản lý chủ chốt. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.
 - q) Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc email. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 42. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị không ít hơn ba (03) thành viên, không quá mười một (11) thành viên. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định số thành viên Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 43. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu

tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này.
 - b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp số lượng thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) với số quy định trong Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số lượng của thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3), để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 45. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác.
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.
 - d) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng

quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 12 Điều này.
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Quy định cụ thể về hình thức tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến tại điểm c khoản 9 Điều này như sau:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
 - b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.
11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 46. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c) Thời gian, địa điểm họp.
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trên biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời

hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và Tiếng Anh và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ này nhưng có thành viên từ chối ký biên bản họp thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.

Điều 47. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị

Cổ đông, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục thông qua quyết định không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 48. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định của pháp luật và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ, có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 - b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại

các chi nhánh của Công ty.

- c) Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn nội dung kê khai.
 - d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục và sao chép danh sách người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất, không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong việc thực hiện quyền này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
 - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 48 của Điều lệ này; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
 - e) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 50. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan sau đây:
 - a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ.
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ.
 - c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:
 - a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này.
 - b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, Chủ

tịch Hội đồng quản trị, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT

Điều 51. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội

bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán, và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 49 Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
11. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. Thành viên, Trưởng Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Từ 21 tuổi trở lên có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

- c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
3. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
- a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
 - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
 - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.
 - e) Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.
 - f) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 54. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 điều 53 Điều lệ này.
 - b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
 - c) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - d) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- e) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
- 2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

- 1. Chuẩn bị cho chương trình hoạt động và kế hoạch của Ban kiểm soát.
- 2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, dữ liệu cho các cuộc họp, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát.
- 3. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty.

Trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc tạm thời không thể làm việc, các thành viên Ban kiểm soát còn lại bầu một người trong số họ tạm thời đảm nhận công việc của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 56. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo, nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.
- 4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 57. Thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát

Trong trường hợp Công ty không có quy định khác thì thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban

kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG VII. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 58. Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.
- b) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- c) Có tối thiểu 04 năm kinh nghiệm tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác.
- d) Có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của Chính phủ.
- e) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 60. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản trị nội bộ Công ty.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.
7. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
8. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng quản trị.
9. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
10. Tuyển dụng lao động.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động mà Tổng giám đốc ký với Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII. KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 61. Kiểm toán nội bộ

Công ty quản lý quỹ là công ty đại chúng hoặc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ. Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.

Điều 62. Trách nhiệm và tiêu chuẩn của Bộ phận Kiểm toán nội bộ

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm:
 - a) Kiểm tra, đánh giá cơ cấu tổ chức, hoạt động quản trị công ty, hoạt động điều hành, phối hợp của từng bộ phận, từng vị trí công tác nhằm ngăn ngừa các xung đột lợi ích, bảo vệ quyền lợi của khách hàng.
 - b) Kiểm tra, đánh giá mức độ đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả, mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ công ty; hệ thống kiểm soát nội bộ; các chính sách, quy trình nội bộ,

bao gồm quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quy trình và hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, kế toán, quy trình và hệ thống báo cáo, công bố thông tin, quy trình tiếp nhận và xử lý tố cáo, khiếu kiện từ khách hàng và các quy định nội bộ khác.

- c) Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cân trọng, tuân thủ các quy trình nghiệp vụ và quản trị rủi ro.
- d) Thực hiện việc kiểm toán hoạt động theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm phải được Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm phải đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - i) Kiểm toán nội bộ được thực hiện hằng năm và đột xuất.
 - ii) Các hoạt động, quy trình, bộ phận phải được đánh giá mức độ rủi ro theo quy định nội bộ của công ty. Các hoạt động, quy trình, bộ phận có mức độ rủi ro cao được tập trung nguồn lực, ưu tiên thực hiện kiểm toán trước và được kiểm toán tối thiểu mỗi năm một lần.
 - iii) Kế hoạch kiểm toán định kỳ hằng năm phải được điều chỉnh khi có thay đổi về mức độ rủi ro của các hoạt động, quy trình, bộ phận.
- e) Thực hiện kiểm toán toàn bộ hoạt động của tất cả các bộ phận trong Công ty tối thiểu hai năm một lần.
- f) Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của công ty; theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- a) Độc lập: Bộ phận Kiểm toán nội bộ và hoạt động của bộ phận này độc lập với các bộ phận và hoạt động khác của Công ty, không chịu sự quản lý của Ban điều hành Công ty. Nhân viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận khác của Công ty.
- b) Khách quan: Kiểm toán nội bộ phải khách quan, công bằng, không định kiến, không tác động, không bị can thiệp khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- c) Trung thực: Công tác kiểm toán nội bộ phải được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm.
- d) Phối hợp: Bộ phận Kiểm toán nội bộ được toàn quyền tiếp cận không hạn chế các thông tin, tài liệu của Công ty. Thành viên Ban điều hành và toàn bộ nhân viên của Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác toàn bộ thông tin, tài liệu

liên quan, theo yêu cầu của Bộ phận Kiểm toán nội bộ. Các bộ phận trong Công ty có trách nhiệm thông báo cho Bộ phận Kiểm toán nội bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro hoặc thất thoát lớn về tài sản của Công ty hoặc của khách hàng.

e) Bảo mật: Bộ phận Kiểm toán nội bộ, nhân viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm bảo mật các thông tin có được trong quá trình kiểm toán, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải đáp ứng được quy định pháp luật yêu cầu đối với vị trí này.

CHƯƠNG IX. KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 63. Kiểm soát nội bộ

Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức của Công ty, thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban điều hành và ban hành các quy định về kiểm soát nội bộ bao gồm chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy định nội bộ khác.

Điều 64. Trách nhiệm và tiêu chuẩn của Bộ phận Kiểm soát nội bộ

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm:

a) Giám sát bảo đảm hoạt động của từng vị trí, bộ phận và Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, các chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của nhân viên Công ty đối với các hoạt động đã được phân cấp, ủy quyền theo nguyên tắc:

i) Cơ chế phân cấp, ủy quyền phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong Công ty. Quy trình nghiệp vụ phải bảo đảm tách biệt giữa các chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí, bộ phận từ hoạt động phân tích, thẩm định, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc quyết định thực hiện, tổ chức thực hiện, báo cáo và giám sát sau khi thực hiện.

ii) Một cá nhân không được đảm nhiệm nhiều vị trí, thực hiện các nhiệm vụ có mục đích, lợi ích mâu thuẫn hoặc chồng chéo; hoặc có thể độc lập thực hiện toàn bộ quy trình nghiệp vụ, từ hoạt động phân tích, thẩm định, quyết định, tổ chức thực hiện, báo cáo, giám sát, mà không cần tham vấn các bộ phận, cá nhân khác đối với cả hoạt động kinh doanh của Công ty và hoạt động quản lý tài sản khách hàng.

b) Tham gia xây dựng, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công ty nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích; giám sát việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; tổng hợp, lưu trữ, thống kê và giám sát hoạt động kinh doanh của Công

ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty.

- c) Tham gia xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro cho hoạt động của Công ty và cho từng loại sản phẩm, từng khách hàng ủy thác; kịp thời nhận diện, đánh giá mức độ rủi ro, thiết lập hạn mức đầu tư nhằm hạn chế mức độ thiệt hại và có biện pháp ngăn ngừa, quản lý các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
 - d) Giám sát bảo đảm giá trị tài sản ròng của danh mục, chứng chỉ quỹ được định giá phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ; tài sản và các nguồn lực của Công ty được quản lý an toàn, hiệu quả; tài sản khách hàng được quản lý tách biệt, độc lập; báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, báo cáo về các chỉ tiêu an toàn tài chính và các báo cáo khác của Công ty được lập trung thực, chính xác, kịp thời, cập nhật đầy đủ theo quy định của pháp luật.
 - e) Giám sát, bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và quản lý trung thực, đầy đủ, kịp thời và chính xác; có hệ thống thông tin dự phòng để kịp thời xử lý những tình huống như thiên tai, cháy, nổ.... bảo đảm hoạt động liên tục của Công ty.
 - f) Đề xuất các phương án giải quyết, xử lý tranh chấp, xung đột lợi ích, khiếu kiện từ khách hàng, đối tác; các phương án dự phòng khắc phục hậu quả khi sự cố khi xảy ra.
 - g) Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong trường hợp Công ty không buộc phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.
2. Nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ phải đáp ứng được quy định pháp luật yêu cầu đối với vị trí này.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 65. Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty

1. Công ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.
2. Công ty phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quy trình tư vấn đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ khác phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của Công ty; quy trình kiểm soát nội bộ; sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán; quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Trường hợp khách hàng ủy thác đầu tư chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; quy trình quản lý danh mục đầu tư

chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động Công ty.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác. Quy định về việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa công ty và nhân viên.
4. Công ty phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động của công ty, loại hình quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và đối tượng khách hàng mà mình đang quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động của Công ty, rủi ro tiềm ẩn trong các quy trình nghiệp vụ, hệ thống của Công ty, rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của từng khách hàng ủy thác. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của khách hàng ủy thác, Công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
5. Khi quản lý tài sản ủy thác, Công ty phải:
 - a) Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư.
 - b) Ký hợp đồng lưu ký hoặc hợp đồng giám sát với ngân hàng lưu ký đối với quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, danh mục đầu tư ủy thác; ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
 - c) Thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.
 - Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng ủy thác, Công ty chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được khách hàng ủy thác phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;
 - Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho khách hàng ủy thác: Công ty phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc Sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng

lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

- d) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại Công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác, tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính Công ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của khách hàng ủy thác; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của từng khách hàng ủy thác và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó.
- e) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại Công ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý Sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác.
- f) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý mỗi quỹ, mỗi công ty đầu tư chứng khoán. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

6. Công ty phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân Công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình này phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất. Trường hợp trong ngày Công ty mua hoặc bán cùng một loại tài sản tại cùng một thời điểm cho nhiều khách hàng ủy thác và cho bản thân Công ty, việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo trật tự ưu tiên sau:

- a) Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho khách hàng ủy thác. Việc phân bổ tài sản giữa các khách hàng ủy thác phải công bằng, theo đúng quy trình phân bổ tài sản áp dụng thống nhất của Công ty. Trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, trường hợp khách hàng ủy thác không

chỉ định giá giao dịch, tài sản được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, Công ty phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản; trường hợp khách hàng ủy thác chỉ định giá giao dịch, Công ty phân bổ theo mức giá khách hàng chỉ định.

- b) Việc phân bổ tài sản cho bản thân Công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác. Trường hợp Công ty biết thông tin nội bộ hoặc biết lệnh giao dịch tài sản ủy thác có thể ảnh hưởng lớn tới giá của một loại tài sản, Công ty không được giao dịch cùng loại tài sản đó hoặc tiết lộ cho bên thứ ba giao dịch tài sản đó.
- c) Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.

7. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, Công ty bảo đảm:

- a) Đối với các tổ chức là quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:
 - Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó; và
 - Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ 06 tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó được thành lập; Quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn 300 tỷ đồng.

- b) Đối với các khách hàng ủy thác khác, Công ty phải tuân thủ quy định tại điểm a khoản này, trừ trường hợp Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của Công ty với công ty chứng khoán liên quan và khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.

8. Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng, Công ty có trách nhiệm bảo đảm:

- a) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác; giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật, điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư.
- b) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, Sổ đăng ký cổ

đồng. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, Sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán, điều lệ quỹ và điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

- c) Công ty được uỷ quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng. Việc uỷ quyền hoạt động tuân thủ quy định tại Điều 67 Điều lệ này và các quy định của Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

9. Khi quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, Công ty phải bảo đảm:

- a) Chịu sự giám sát của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;
- b) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro phù hợp với chính sách đầu tư và loại tài sản đầu tư và báo cáo đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị về công tác quản trị rủi ro;
- c) Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hàng ngày của công ty đầu tư chứng khoán mà không cần phải có quyết định của hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán, đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;
- d) Thực hiện các chính sách đầu tư, quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán; thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại hình tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch (nếu có) đã được quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;
- e) Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; phương án tái cấu trúc công ty đầu tư chứng khoán;
- f) Ký các hợp đồng nhân danh công ty đầu tư chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;
- g) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư và quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán.

10. Khi quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, Công ty phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.

11. Công ty có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về khách hàng ủy thác, danh mục tài sản ủy thác, thông tin về giao dịch tài sản ủy thác, thông tin về nơi lưu ký tài sản ủy thác, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công ty, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký theo yêu cầu bằng văn bản của các tổ chức này để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với khách hàng ủy thác theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng ủy thác với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký.
12. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư thì Công ty phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho khách hàng ủy thác. Công ty phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho khách hàng ủy thác.
13. Công ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty hoặc do Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư. Việc bồi thường cho quỹ mở, nhà đầu tư vào quỹ mở thực hiện theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan. Việc bồi thường cho quỹ đóng, quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác khác thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.
14. Công ty phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong các trường hợp quy định tại khoản 13 Điều này.
15. Công ty phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.
16. Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.
 - a) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công ty, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và

xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng.

- b) Công ty, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- c) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công ty, đại lý phân phối thông qua công ty quản lý quỹ phải thông báo tới UBCKNN.
- d) Trong trường hợp cần thiết, UBCKNN yêu cầu Công ty, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.

17. Công ty bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.

18. Việc sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty phải được đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng thành viên, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

19. Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

20. Công ty phải bảo đảm:

- a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp Công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty.
- b) Tách biệt về cơ sở vật chất, cơ sở dữ liệu, nhân sự giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung

đột lợi ích trong Công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư, hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.

- c) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

21. Trong hoạt động đầu tư tài chính từ vốn chủ sở hữu, Công ty bảo đảm:

- a) Vốn kinh doanh dành cho hoạt động đầu tư tài chính phải là từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức.
- b) Không được đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn của mình, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.
- c) Không được cho vay, hoặc giao vốn của Công ty cho người có liên quan và các tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu niêm yết, chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu kho bạc được phát hành theo quy định của pháp luật.
- d) Hợp đồng kinh tế, giao dịch giữa Công ty với những người có liên quan của Công ty chỉ được thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- e) Sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư vào bất động sản với mục đích sử dụng làm trụ sở làm việc. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, Công ty có thể cho thuê lại;
- f) Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thay đổi giá trị khoản đầu tư, thoái vốn đầu tư, Công ty có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN về các hạng mục đầu tư này và tình hình tăng, giảm giá trị các khoản đầu tư này.
- g) Công ty và người có liên quan (ngoại trừ người có liên quan là các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ quản lý) chỉ được đầu tư không quá 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

22. Công ty phải được UBCKNN chấp thuận và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức trước khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải bảo đảm tuân thủ quy định tại điểm a khoản 21 Điều này, quy định của pháp luật về đầu tư,

pháp luật ngân hàng và các nguyên tắc sau:

- a) Công ty được phép đầu tư tối đa 20% vốn chủ hữu tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất đã được soát xét và báo cáo tài chính quý gần nhất; đảm bảo không vượt quá hạn mức đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận. Công ty chỉ đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- b) Trường hợp danh mục đầu tư của Công ty vượt quá hạn mức quy định do biến động giá trên thị trường của tài sản đang nắm giữ hoặc do được hưởng các quyền có liên quan đến tài sản nắm giữ, Công ty phải thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đầu tư vượt quá hạn mức.

23. Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.

24. Trong hoạt động báo cáo sở hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty có trách nhiệm:

- a) Công ty, cùng với các khách hàng ủy thác, tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với cổ đông lớn của công ty đại chúng, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.
- b) Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin phát sinh kể từ thời điểm:
 - Số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ do công ty (nếu có) và các khách hàng ủy thác (nếu có) sở hữu, kể cả trong trường hợp quản lý trên tài khoản khách hàng, tài sản đứng tên khách hàng ủy thác, đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng hoặc đạt từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ của một quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ hoãn đổi danh mục;
 - Công ty quản lý quỹ là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của pháp luật chứng khoán, ngoại trừ giao dịch hoãn đổi danh mục và hoạt động tái cơ cấu danh mục theo định kỳ của chỉ số tham chiếu.
- c) Nội dung báo cáo sở hữu, công bố thông tin, phương thức công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- d) Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công

bổ thông tin theo quy định của pháp luật.

25. Công ty có trách nhiệm hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên hoặc yêu cầu các nhân viên hành nghề tham gia các khóa tập huấn do UBCKNN tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của Công ty phải được gửi kèm trong báo cáo tình hình hoạt động hàng năm gửi UBCKNN.
26. Công ty phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của công ty vào cơ sở dữ liệu công ty quản lý quỹ của UBCKNN.

Điều 66. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty

1. Công ty không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của Công ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý và ngược lại.
2. Công ty, người có liên quan của Công ty được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán cho phép, ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.
3. Công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của Công ty chỉ được mua các tài sản trong danh mục tài sản ủy thác hoặc bán cho danh mục của khách hàng ủy thác mà Công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
 - a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
 - b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, giá giao dịch hoặc phương thức xác định giá giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).
4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải

bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành, nhân viên của Công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư.

6. Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, Công ty bảo đảm:

a) Không được sử dụng tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý.

b) Không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do mình quản lý, hoặc ngược lại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên.

c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính Công ty; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

Công ty có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của nhà đầu tư ủy thác trong hoạt động quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng quản lý đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép Công ty thực hiện việc đầu tư này với mức phí quản lý phù hợp và đảm bảo tuân thủ quy định tại điểm b khoản này.

d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty, người có liên quan của Công ty, tổ chức, cá nhân khác.

Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật; hoặc khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các

giao dịch nêu trên; và trong trường hợp khách hàng ủy thác quản lý danh mục đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác.

- e) Chỉ sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán.
 - f) Không được cam kết, bảo đảm, đưa ra nhận định về kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính Công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư.
 - g) không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
7. Công ty chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đảm bảo:
- a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua.
 - b) Công ty thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
8. Công ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
9. Ngoại trừ quỹ mở, công ty quản lý quỹ được nhận thưởng hoạt động theo quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư. Mức thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:
- a) Được tính trên cơ sở phân lợi nhuận hằng năm của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư.

- b) Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.

Điều 67. Ủy quyền hoạt động

1. Ngoại trừ chức năng đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, Công ty được:
 - a) Ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, Trung tâm lưu ký chứng khoán thực hiện các hoạt động quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý các loại quỹ đầu tư chứng khoán, xác định giá trị tài sản ròng, quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, thực hiện quyền biểu quyết và các quyền sở hữu của khách hàng ủy thác; ủy quyền cho đại lý phân phối cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng.
 - b) Ủy quyền cho tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý, lưu ký phân danh mục tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán được đầu tư ở nước ngoài phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Hoạt động ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm:
 - a) Việc ủy quyền và nguyên tắc của hoạt động ủy quyền phải được quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư; các thông tin cơ bản về bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại bản cáo bạch, cung cấp cho khách hàng ủy thác. Đại hội nhà đầu tư của quỹ, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ thay đổi tổ chức nhận ủy quyền nếu xét thấy cần thiết.
 - b) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm. Đối với hoạt động ủy quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, bên nhận ủy quyền ở nước ngoài phải đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép cho hoạt động nhận ủy quyền, đồng thời chịu sự giám sát bởi cơ quan quản lý giám sát dịch vụ tài chính ở nước sở tại;
 - c) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.
 - d) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.
 - e) Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải được nêu rõ tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và công bố tại bản cáo bạch. Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều

này phải được đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác chấp thuận bằng văn bản.

3. Đối với hoạt động đã ủy quyền, Công ty có trách nhiệm:

- a) Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, an ninh hệ thống, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, quy trình nghiệp vụ, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.
- b) Ký hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo quy định.
- c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của công ty và của khách hàng ủy thác (nếu có). Công ty được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm này. Định kỳ hằng tháng, Công ty phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền.
- d) Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
- e) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm công ty, tổ chức kiểm toán độc lập, UBCKNN có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
- f) Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty đối với khách hàng ủy thác. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí mà khách hàng trực tiếp thỏa thuận, thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng quản lý đầu tư, hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. Công ty phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho khách hàng ủy thác.
- g) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
- h) Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền

để thực hiện các hoạt động ủy quyền; hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo quy định, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho UBCKNN theo yêu cầu.

- i) Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ký hợp đồng với bên nhận ủy quyền đối với các hoạt động ủy quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Công ty thông báo cho UBCKNN về việc ủy quyền này, kèm theo các tài liệu xác nhận bên nhận ủy quyền đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Các báo cáo về việc kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và các tài liệu liên quan khác phải cung cấp cho hội đồng quản trị của Công ty, Ban đại diện quỹ, Ngân hàng Lưu ký và UBCKNN trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày báo cáo được tổng hợp.

Điều 68. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế công ty quản lý quản lý quỹ khác

1. Công ty chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác trong các trường hợp sau:
 - a) Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác theo các quy định của điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;
 - b) Theo yêu cầu của đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác;
 - c) Bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
 - d) Tổ chức lại Công ty ;
 - e) Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, hết thời gian hoạt động, hợp đồng quản lý đầu tư hết hiệu lực.
2. Công ty phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, đại hội cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này.
3. Quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác của Công ty chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, khách hàng ủy thác cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của UBCKNN.

4. Công ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với khách hàng ủy thác mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công ty chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn ba (03) năm, kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế.

Điều 69. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Mọi tranh chấp giữa các cổ đông, giữa Công ty với nhà đầu tư ủy thác trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra để giải quyết tại tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam.

CHƯƠNG XI. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 70. Năm Tài Chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.

Điều 71. Kế toán, kiểm toán và thuế

1. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông và Đại hội nhà đầu tư/ Đại hội thành viên quỹ đầu tư chứng khoán hoặc Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán xem xét và thông qua.
3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính năm có kiểm toán của Công ty phải được gửi đến UBCKNN và cơ quan thuế có thẩm quyền.

Điều 72. Phân phối lợi nhuận

1. Trước khi thực hiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông, lợi nhuận sau thuế của Công ty cuối năm tài chính phải được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành. Tỷ lệ trích lập các quỹ không được quy định bởi pháp luật hiện hành sẽ Đại hội đồng cổ đông quyết

định.

2. Công ty chỉ phân chia lợi nhuận cho các cổ đông dựa trên nguyên tắc:
 - a) Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
 - b) Công ty phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi phân chia lợi nhuận, tức là: không có nợ quá hạn, không có nghĩa vụ tài sản khác đã quá hạn mà chưa thanh toán được, không đảo nợ, dùng vốn vay mới để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thanh toán.
 - c) Công ty có đủ nguồn tài chính tại thời điểm phân chia để thực hiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông, đảm bảo việc phân chia lợi nhuận không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách cổ đông được phân chia lợi nhuận và thời điểm phân phối lợi nhuận.
4. Khi kinh doanh thua lỗ, Công ty được chuyển lỗ sang năm tiếp theo để được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian chuyển lỗ không vượt quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo quy định của pháp luật.

Điều 73. Chế độ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo

1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo về hoạt động của Công ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Công ty phải đảm bảo có đủ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính, chi nhánh và tại các văn phòng đại diện, văn phòng các đại lý phân phối của mình cũng như tại trang thông tin điện tử (website) của Công ty để nhà đầu tư tham khảo:
 - a) Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.
 - b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong năm (05) năm gần nhất; báo cáo tài chính 6 tháng, các báo cáo tài chính quý tới quý gần nhất của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.
 - c) Báo cáo hoạt động định kỳ của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán của tối thiểu 05 năm gần nhất.

- d) Báo cáo giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán.
3. Thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

CHƯƠNG XII. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 74. Giải thể công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn hoạt động.
 - b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
 - c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
2. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp hết khả năng thanh toán, việc giải thể thực hiện theo quy định pháp luật về phá sản.
3. Kể từ khi được UBCKNN chấp thuận giải thể, Hội đồng quản trị không được thực hiện các hoạt động bị cấm theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp, đồng thời trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản Công ty.
4. Trình tự giải thể Công ty thực hiện theo quy định pháp luật về việc thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Điều 75. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được tiến hành theo các quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn luật có liên quan.

Điều 76. Tổ chức lại Công ty

1. Việc hợp nhất, sáp nhập phải bảo đảm các nguyên tắc sau:
 - a) Việc hợp nhất, sáp nhập; phương án hợp nhất, sáp nhập, hợp đồng hợp nhất, sáp nhập phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - b) Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

- c) Không ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng và các chủ nợ, kể cả trái chủ.
 - d) Thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập phải được cung cấp cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác.
 - e) Cổ phiếu quỹ của công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập phải được hủy bỏ khi tính toán tỷ lệ chuyển đổi và lập phương án, hợp đồng hợp nhất, sáp nhập.
2. Trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành phải:
- a) Bảo đảm an toàn tài sản của Công ty, không được cất giấu, tẩu tán tài sản của Công ty dưới mọi hình thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các vấn đề ngoài sổ sách không được bàn giao.
 - b) Các công ty tham gia hợp nhất, sáp nhập có quyền, trách nhiệm đối với toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho đến khi công ty hình thành sau hợp nhất, nhận sáp nhập được cấp, điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động.
 - c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
3. Cổ đông phản đối việc hợp nhất, sáp nhập có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần. Mức giá mua lại theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một cổ phiếu tại thời điểm mua lại. Chủ nợ có quyền yêu cầu Công ty hoàn trả khoản vay khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập. Các yêu cầu nêu trên được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, chủ nợ, số lượng cổ phần, giá trị vốn góp, giá trị khoản vay và phải được gửi tới Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông qua việc hợp nhất, sáp nhập.
4. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Điều 77. Chuyển đổi loại hình Công ty

- 1. Công ty khi thực hiện việc chuyển đổi phải được UBCKNN chấp thuận.
- 2. Trình tự, thủ tục chuyển đổi loại hình công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.
- 3. Trường hợp việc chuyển đổi có kết hợp với chào bán cổ phần riêng lẻ, chào bán cổ phần ra công chúng hoặc các giao dịch phải được chấp thuận thì điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện chào bán phải tuân thủ các quy định có liên quan.

CHƯƠNG XIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 78. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Các điều khoản này có thể được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ phải báo cáo UBCKNN.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng quy định của pháp luật đó.

Điều 79. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2024. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024.

Điều lệ này gồm 13 (mười ba) chương và 79 (bảy mươi chín) điều và được làm thành ba (03) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh. Một (01) bản tiếng Việt được nộp cho UBCKNN, hai (02) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh được lưu tại Công ty.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

.....

Ông Albert Kwang-Chin Ting

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ PHÚ HƯNG**

**PHU HUNG FUND MANAGEMENT
JOINT STOCK COMPANY**

Số / No.: /2024/NQ-ĐHĐCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness**

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 04 năm 2024
Ho Chi Minh City, April 2024

NGHỊ QUYẾT / RESOLUTIONS

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG 2023 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS PHU HUNG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2014;
Pursuant to the Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 dated 29 November 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng;
Pursuant to the Charter of Phu Hung Fund Management JSC.;
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023.
Pursuant to the Meeting Minutes of the 2023 Annual General Meeting of Shareholders.

QUYẾT NGHỊ / RESOLVE

Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 và Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2023 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán phía Nam (AASCS).

Article 1. Approved the 2023 Financial Report and Financial Safety Ratio Report as of 31 December 2023 audited by Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service Ltd. (AASCS).

Điều 2. Thông qua Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát về tình hình hoạt động của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng trong năm tài chính 2023.

Article 2. Approved the Assessment report of the Board of Supervisors on the business performance of Phu Hung Fund Management JSC. in fiscal year 2023.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023.

Article 3. Approved the Report of the Board of Directors on business performance in 2023.

Điều 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.

Article 4. Approved the Profit Distribution Plan in 2023.

Điều 5. Thông qua thù lao cho thành viên Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Ban Kiểm Soát năm 2023.

Article 5. Approved the remuneration for members of the Board of Directors and Board of Supervisors in 2023.

Điều 6. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024.

Article 6. Approved the 2024 Business plan.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm 2024.

Article 7. Approved the selection of independent auditor for 2024.

Điều 8. Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng.

- Địa chỉ cũ của Công ty: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ mới của Công ty: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Article 8. Approved the change of the head office address of Phu Hung Fund Management Joint Stock Company.

- *Company's old address: Unit 4, 21st Floor, Phu My Hung Tower, 8 Hoang Van Thai, Quarter 1, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City*
- *Company's new address: 20th Floor, Phu My Hung Tower, 8 Hoang Van Thai, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City*

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ của CTCP Quản lý Quỹ Phú Hưng.

Article 9. Approved the amendments to the Charter of Phu Hung Fund Management Joint Stock Company.

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc và các phòng, ban, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Article 11. This Resolution takes effect from the date of signing. The Chairman of the Board of Directors, the Board of Management and relevant departments, divisions and individuals are responsible for implementing this Resolution./.

Nơi nhận / Recipients:

- *Như Điều 10;*

As Article 10;

- *Lưu: BTK*

Filed at: Secretariat.

THAY MẶT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
ON BEHALF OF GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
MEETING CHAIRMAN

Albert Kwang-Chin Ting